

## NHỮNG NHÀ VĂN NỮ DI DÂN GỐC VIỆT THẾ HỆ 1,5 TẠI HOA KÌ

TRẦN THỊ KIM TRANG\*

### TÓM TẮT

*Bài viết giới thiệu khái quát về những nhà văn nữ di dân gốc Việt thế hệ 1,5 tại Hoa Kỳ, như: Monique Truong, Bích Minh Nguyen, le thi diem thuy, Dao Strom, Angie Chau, Aimee Phan, Lai Thị Minh Hà cùng với những tác phẩm đã làm nên tên tuổi của họ. Qua đó, có thể thấy văn học di dân Việt Nam ở Hoa Kỳ hiện nay đã có sự khởi sắc và gặt hái được những thành công nhất định, trở thành một dòng văn học đáng chú ý ở nước sở tại.*

**Từ khóa:** nhà văn nữ di dân gốc Việt, thế hệ 1,5, Hoa Kỳ.

### ABSTRACT

#### ***Vietnamese female immigrant authors of the 1.5 generation in the United States***

*This article generally introduces Vietnamese female immigrant authors of the 1.5 generation in the United States including Monique Truong, Bích Minh Nguyen, le thi diem thuy, Dao Strom, Angie Chau, Aimee Phan, Lai Thị Minh Hà together with the literary works that made their names. Thereby, we can see that Vietnamese immigrant literature has improved and achieved many success, becoming a notable literature trend in the local country.*

**Keywords:** the Vietnamese female immigrant authors, 1,5 generation, United States.

### 1. Mở đầu

Hoa Kỳ là một quốc gia đa chủng tộc, do đó văn hóa của Hoa Kỳ là sự kết tinh của nhiều nền văn hóa khác nhau. Bên cạnh nền văn hóa Mỹ là các nền văn hóa của các cộng đồng di dân như Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... Tất cả đã hòa quyện vào nhau tạo nên một tổng thể đa diện, nhiều màu sắc. Dựa trên quy luật của sự phát triển, sự lớn mạnh của cộng đồng dẫn đến sự đa dạng của văn hóa. Theo đó, văn học di dân Việt Nam nói riêng và văn học di dân của các cộng đồng nhập cư nói chung đã có những đóng góp không nhỏ trong việc làm màu mỡ thêm cho nền văn hóa Hoa Kỳ.

Cộng đồng Việt Nam di dân tại Mỹ có khoảng hơn 1,5 triệu người, chiếm hơn nửa số lượng người Việt Nam di dân trên toàn thế giới, là cộng đồng di dân lớn thứ 7 ở Mỹ và thứ 4 trong cộng đồng di dân châu Á ở Mỹ, có vận tốc hội nhập vào khu vực xã hội Hoa Kỳ khá nhanh và rất thành công. [6]

Chính hoàn cảnh đó đã hình thành nên một lực lượng nhà văn gốc Việt đông đảo và hùng hậu. Những cái tên như Nguyễn Mộng Giác, Nhã Ca, Monique Truong, Bích Minh Nguyen, le thi diem thuy, Dao Strom, Angie Chau... không còn xa lạ với bạn đọc trong và ngoài nước. Họ đã khẳng định vị trí của mình không những trên văn đàn Việt Nam mà còn mở rộng trên văn đàn quốc tế. Những tác phẩm của họ ngay từ khi xuất hiện đã

---

\* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

gây sự chú ý với độc giả và giới nghiên cứu văn học. Trong sáng tác của mình, họ sử dụng một trong hai ngôn ngữ: tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Điều thú vị là các nhà văn thuộc thế hệ 1 (1st generation) thường viết bằng tiếng Việt như Nguyễn Mộng Giác, Nhã Ca, Trùng Dương, Trần Mộng Tú, Bùi Bích Hà, Đặng Thơ Thơ... Ngược lại, các nhà văn trẻ thuộc thế hệ 1,5 và 2 (1,5 generation và 2nd generation) thường dùng tiếng Anh như Monique Truong, Bích Minh Nguyen, le thi diem thuy, Dao Strom, Barbara Tran, Christian Langworthi, Aimee Phan, Angie Chau... Một điều đáng chú ý nữa là những nhà văn thành danh trên đất Mỹ đa phần là những nhà văn nữ. Họ đã có những đóng góp đáng ghi nhận vào văn học dòng chính<sup>1</sup> ở Mỹ. Bên cạnh đó, tác phẩm của họ cũng nhận được nhiều giải thưởng cao quý và được giới phê bình văn học ở Mỹ đánh giá cao. Trong phạm vi bài viết này, những tác phẩm và tác giả thuộc văn học dòng chính là đối tượng mà chúng tôi muốn hướng đến.

## **2. Những nhà văn nữ di dân gốc Việt thế hệ 1,5 tại Hoa Kỳ**

Thế hệ 1,5 bao gồm những người Việt Nam (trong độ tuổi thanh thiếu niên hoặc còn nhỏ) theo cha mẹ hoặc ông bà rời khỏi đất nước vào năm 1975 – năm đánh dấu sự kết thúc của chiến tranh Mỹ - Việt – vì hoàn cảnh lúc bấy giờ. Đối với họ, đây chỉ là sự ra đi tạm thời, họ không bao giờ nghĩ rằng nó lại mở ra một trang mới trong cuộc đời họ. Họ ra đi với tâm thế là một người tị nạn chứ không phải là một người dân nhập cư, chính vì vậy họ gặp nhiều khó khăn khi hòa nhập vào một đất nước mới.

Hầu hết những người Việt Nam này rời khỏi quê hương sau ngày 30-4-1975. Họ ra đi với hai bàn tay trắng, để lại sau lưng tất cả những gì thuộc về họ, kể cả những người thân. Một số ít rời khỏi quê hương bằng máy bay của Mỹ, phần đông họ rời khỏi theo cách riêng, trên những chuyến tàu hoặc chiếc thuyền chật ních người (Điều này được tái hiện khá rõ nét trong tác phẩm “Con thuyền” của Nam Lê). Sau đó, họ được đưa đến những trại tị nạn do chính phủ Mỹ thành lập như Phillipine, Singapore, Guam Island... và chờ đợi những người bảo trợ. Những người bảo trợ này sẽ hướng dẫn họ tái định cư, hòa nhập vào xã hội Mỹ, tìm nhà ở, xin việc...

Sau này, những kí ức của họ về quê hương chủ yếu được tái hiện, cùng cố từ ông bà, cha mẹ... (những người được xem là thế hệ 1). Ở họ, sự giao lưu về văn hóa thể hiện khá rõ (đặc biệt là trong một đất nước đa chủng tộc, đa văn hóa như Hoa Kỳ). Bên cạnh nền văn hóa Việt còn có nền văn hóa Mỹ, chính vì vậy, sự xung đột về văn hóa trong họ diễn ra rất nghiêm trọng. Những kí ức về nền văn hóa cũ chưa kịp xóa mờ, họ đã phải thâm nhận một nền văn hóa mới. Ngoài ra, họ còn phải xác lập tiếng nói trên nước sở tại. Đối với độ tuổi của họ lúc bấy giờ, việc dung hòa cả hai nền văn hóa không phải là điều dễ dàng. Chính vì lí do trên, họ là đối tượng đóng vai trò trung tâm trong các nghiên cứu về quá trình người Việt hòa nhập vào nền văn hóa Mỹ, về quá trình chuyển đổi từ người Việt thành người Mỹ gốc Việt. Điều này không thể tìm thấy trong thế hệ 1 và thế hệ 2, vì bản sắc của hai thế hệ này được phân định rõ

ràng, hoặc nền văn hóa Việt, hoặc nền văn hóa Mỹ.

Những trải nghiệm ấy đã góp phần không nhỏ trong việc sáng tạo ra những “đứa con tinh thần” của những nhà văn người Mỹ gốc Việt sau này. Hầu hết, những sự kiện, những lát cắt trong cuộc đời họ được tái hiện lại một cách sinh động trên những trang viết. Cốt truyện thường kể về một đứa trẻ theo chân cha mẹ (hoặc với cha, hoặc với mẹ, hoặc ông bà) rời quê hương đến định cư tại Mỹ. Bên cạnh đó, tác phẩm cũng gọi lại những mất mát, đau thương trong quá khứ, những khó khăn mà họ gặp phải khi đến với vùng đất mới, những kinh nghiệm mà họ đã trải qua trong quá trình hòa nhập với nền văn hóa sở tại... Có thể nói, đó là những bức tranh sinh động về lịch sử được tái hiện thông qua văn chương.

**2.1.** Nhà văn di dân gốc Việt nổi tiếng nhất ở Mỹ có lẽ là Monique Truong. Cô sinh ngày 13-5-1968 ở Sài Gòn. Hiện nay, cô sống cùng gia đình ở Brooklyn, New York. Năm 1975, cô cùng mẹ rời khỏi Việt Nam và đến định cư ở Mỹ, khi ấy cô vừa tròn 6 tuổi. Tại đây, cô theo học ở Trường Trung học Houston. Sau đó, cô tiếp tục sự nghiệp học tập của mình ở Trường Đại học Yale, chuyên ngành Ngữ văn. Năm 1990, cô tốt nghiệp. Ngoài ra, cô còn lấy được bằng cử nhân luật của Trường Luật Columbia vào năm 1995.

Hai cuốn sách được độc giả biết đến nhiều nhất và giúp cô có được chỗ đứng trên văn đàn là *The book of salt* (*Sách muối*) và *Bitter in the mouth* (*Đắng miệng*). Ở mỗi tác phẩm, Monique

Truong đều đề cập những vấn đề khác nhau và dù trải nghiệm ngòi bút của mình ở những đề tài nào, cô vẫn luôn giữ được một phong cách rất riêng. Một điều thú vị là chính ẩm thực đã khơi nguồn sáng tác cho cô. Ngoài đời, cô rất đam mê ẩm thực. Khi thưởng thức một món ăn, cô dùng tất cả các giác quan để có thể cảm nhận sự tinh tế bên trong từng món ăn. Trong trí tưởng tượng của cô, mỗi công thức nấu ăn mở ra một câu chuyện, và cứ như vậy, hàng loạt câu chuyện được khơi gợi từ những điều tưởng chừng như quen thuộc ấy. Đối với Monique Truong, ẩm thực và văn chương là hai lĩnh vực không hề tách biệt nhau, mà ngược lại, có mối quan hệ với nhau. Đây là một phát hiện khá độc đáo và mới mẻ. Chính vì vậy, trong *Sách muối* và *Đắng miệng*, thực phẩm, thức ăn, mùi vị được cô dùng như là những yếu tố để biểu tượng đời sống.

Tiểu thuyết *Sách muối* (Nxb Houghton – Mifflin, 2003) là một cuốn tiểu thuyết không có cốt truyện. Câu chuyện được kể theo dòng hồi tưởng của nhân vật Bình – một thanh niên đồng tính – và cũng là nhân vật chính của truyện. Nội dung của tác phẩm có thể chia ra làm hai phần: khi nhân vật còn ở Việt Nam và khi đã đặt chân lên nước Pháp. Bình là con út trong gia đình có bốn anh em trai, anh là con riêng của mẹ, vì thế, trong gia đình, Bình luôn bị đối xử bất công so với các anh. Đối lập với sự ghẻ lạnh của cha dượng là tình yêu thương đong đầy của *Má*; do đó, những trang văn hồi tưởng về *Má* là những trang văn đẹp nhất, sáng nhất trong câu chuyện. Bình được Minh – anh trai cả – giới thiệu vào làm ở nhà bếp của dinh Thống sứ Pháp. Tại đây, anh đã

có mối quan hệ lén lút với bếp trưởng người Pháp Blériot. Khi mọi chuyện bại lộ, anh bị đuổi ra khỏi chỗ làm và thậm tệ hơn là không được bước chân về nhà. Trong hoàn cảnh “tiến thoái lưỡng nan” ấy, Bình chỉ còn cách trốn khỏi quê hương. Khi đến nước Pháp, Bình làm đầu bếp cho hai nữ nhà văn đồng tính người Mỹ Gertrude Stein và Alice B. Toklas và có tình cảm với một người đàn ông da đen (anh gọi là *Người đàn ông chủ nhật ngọt ngào*). Tuy đã trốn khỏi quê hương nhưng những kí ức về nơi đó vẫn không thể nguôi ngoai trong anh. Sau này, khi mọi chuyện đã lặng đi và được sự đồng ý của anh Minh, Bình đã vứt bỏ quá khứ và quyết định trở về nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Lấy bối cảnh Việt Nam vào thời kì Pháp thuộc, do đó, mối quan hệ giữa thực dân và thuộc địa cũng được nhà văn khai thác khá triệt để. Ngoài ra, tác phẩm còn đề cập đến những vấn đề khác như quan hệ đồng tính, quan hệ chủ tớ, quan hệ gia đình... Những vấn đề ấy được chuyển tải trong một văn phong hết sức mới lạ, “vừa nóng ấm lại vừa rất nhiệt đới” (từ dùng của Trần Hữu Dũng). Bên cạnh đó, tác phẩm còn giúp người đọc mở rộng tầm mắt và hiểu thêm về lĩnh vực ẩm thực – một phần của văn hóa như các món ăn, cách chọn thành phần của món ăn, cách chế biến món ăn, cách nêm món ăn và thậm chí cả cách thưởng thức món ăn... Có thể nói, tác phẩm đem đến cho người đọc cảm giác thú vị khi đọc đến những dòng miêu tả nghệ thuật nấu nướng như lời nhận xét của Jacques Pépin: “*Một câu chuyện hấp dẫn, độc đáo, sắc bén với một sự quan sát tinh tế*

*về thế giới nấu ăn*” [8]. Ngoài ra, quyển sách còn nhận được những lời tán dương trong giới phê bình [8] như: “*Thanh lịch, dí dỏm, phức tạp và giàu tưởng tượng, Sách muối của Monique Trương là một cuốn tiểu thuyết đem lại sự sáng khoái và sâu sắc*” (Jessica Hagedorn); “*Một tác phẩm tinh xảo của một giai điệu tưởng tượng hoàn hảo, tôi đã đọc nó một cách ngẫu nhiên trong một đêm yên tĩnh – một niềm vui hiếm hoi và chân thực*” (Andrew X. Pham). Quyển sách này đã giúp cô nhận được nhiều giải thưởng giá trị ở Mỹ như giải thưởng của Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ (American Library Association) năm 2004 và giải PEN American Robert Bingham cùng năm.

Còn cuốn *Đấng miêng* (Nxb Random House, 2010) được giới phê bình đánh giá rất cao, nghệ thuật của nó vượt hẳn cuốn trước. Nhân vật chính của truyện là Linda Hammerick – một cô gái bị mắc chứng *synesthesia* (một căn bệnh rối loạn giác quan, nghe nhìn từ và đoán vị của từ đó). Cô là con nuôi của gia đình ông Thomas và bà DeAnne (lúc đầu Linda không hề biết điều đó). Tuy họ lấy nhau được 25 năm nhưng sống không hạnh phúc. Trong gia đình, chỉ có ông Thomas và người cậu đồng tính Harper là chỗ dựa thân cận nhất của Linda. Cả hai người này đều hết mực yêu thương cô. Ngược lại, vì vốn là con gái của tình địch nên bà DeAnne luôn ném cái nhìn ghẻ lạnh về phía cô. Mãi đến sau này, quá khứ và gốc gác của Linda mới được hé lộ. Ông Thomas yêu mẹ ruột của Linda, nhưng bà đã đính ước với một người đàn ông khác ở quê nhà. Năm 1975, gia đình họ rời khỏi Việt Nam và đến định cư ở

Mĩ. Tại đây, mẹ cô đã liên lạc với ông Thomas. Chuyện không may đã xảy ra với cả gia đình cô bé. Vào một đêm nọ, căn nhà tự nhiên bốc cháy. Ba mẹ của Linda đã không thể sống sót trong cơn hỏa hoạn đó. Còn Linda được một ai đó ẵm ra ngoài. Câu chuyện ấy khiến cho Linda có cảm giác như bà ngoại Iris đã nói trước khi qua đời “*Những gì bà biết về cháu, đứa con gái nhỏ, sẽ tách cháu thành hai mảnh*”. Kết thúc câu chuyện là một câu hỏi bỏ lửng: “*Liệu Linda có trở về quê hương của mình để tìm lại những người thân của mình hay không?*”. Bên cạnh việc tái hiện lại xã hội bảo thủ của một miền Nam nước Mỹ thập niên 70, 80 thế kỉ XX, về những người mắc những căn bệnh khác thường (như căn bệnh *synesthesia* của Linda và bệnh đồng tính của ông cậu). Cuốn tiểu thuyết còn chứa đựng tính nhân văn sâu sắc khi đề cập các vấn đề khác như tình bạn, tình yêu, tình cảm gia đình...

Trong tác phẩm này, Monique Truong sử dụng rất nhiều bí mật, hàng loạt bí mật xen kẽ nhau, tưởng như xoay qua ngoảnh lại là sẽ mở ra được bí mật khác. Vì vậy, chỉ khi độc giả theo dõi từ đầu đến cuối cuốn sách mới có thể hiểu hết được. Đó cũng là một trong những nét độc đáo của nghệ thuật viết truyện của cô.

Và điểm độc đáo nữa là một phần cuộc đời của chính mình đã được Monique Truong đưa vào tác phẩm một cách nhẹ nhàng.

Tạp chí Booklist đã đưa ra nhận xét về *Đấng miêng* của Monique Truong như sau: “*Monique Truong là một người kể chuyện tài năng và trong cuốn tiểu thuyết*

*manh mẽ “ngâm” này, cô đã tạo ra một nhân vật hấp dẫn và độc đáo*” [7]. Nhà văn nữ gốc Trung Quốc Yiyun Li, tác giả cuốn *Ngàn năm thiện nguyện* thì khuyên người đọc hãy “*chuẩn bị hưởng một hàng đầy ắp những mùi vị của cuộc sống trong Đấng miêng: Đó là những mùi vị của tình bạn, lòng chung thủy, tình yêu, gia đình và trên hết tất cả là của những bí mật nằm ở mỗi góc của lịch sử một con người, những bí mật đã làm thành con người chúng ta. Monique Truong là một người có óc quan sát tinh tế và là một nhà văn tuyệt vời*” [7].

2.2. le thi diem thuy với cuốn *The gangster we are all looking for (Tên du đảng mà tất cả chúng tôi đang tìm kiếm)* ngay từ khi phát hành đã thu hút được nhiều sự chú ý của độc giả. Cô sinh ngày 12-1-1972 tại Phan Thiết. Năm 1978, cô cùng cha vượt biên bằng thuyền, sau đó định cư tại San Diego, California, Mĩ. Năm 1990, cô theo học tại trường Đại học Hampshire, chuyên ngành Văn chương hậu thuộc địa và tốt nghiệp năm 1994. Cô không chỉ là một nhà văn, mà còn là một nhà thơ, một nghệ sĩ biểu diễn.

Một điều cần nói thêm là về bút danh hơi khác lạ của cô – le thi diem thuy. Có lần, cô đã tâm sự về bút danh của mình như sau “*Khi tôi quyết định xuất bản dưới cái tên đầy đủ (theo kiểu Việt Nam) và tất cả đều viết thường (bởi vì tôi thích cách này hơn). Tôi biết rằng người Mĩ và người Việt sẽ nhận thấy lỗi của nó, thật ra, nó không đúng với đất nước nào cả. Nhưng tôi cảm thấy nó đúng với tôi. Tôi đã cố gắng đập vỡ nó ra, xây dựng và tái tạo lại theo cách*

*riêng của tôi*” [5]. Vì vậy, trong bài này, chúng tôi thể hiện sự tôn trọng nhà văn bằng cách để nguyên bút danh của cô.

Bìa của quyển sách *Tên du đãng mà tất cả chúng tôi đang tìm kiếm* ghi là “a novel”, tức là một cuốn tiểu thuyết, nhưng khi đọc, chúng ta lại có cảm giác tác phẩm mang dáng dấp của tự truyện. Bởi nó dường như không có cốt truyện, chỉ là tập hợp những hồi ức của nhà văn và cũng không chứa đựng tính chất cao trào. Tác giả giới thiệu đôi nét về tác phẩm đầu tay của mình: “*Tiểu thuyết kể về một gia đình người Việt sống ở Mĩ. Nó khảo sát hậu quả cuộc chiến tranh Mĩ - Việt thông qua cuộc sống ba người: người đàn ông, người đàn bà và đứa nhỏ. Cuốn tiểu thuyết chủ yếu nói về sự mất mát - người thân, đất nước và tiếng mẹ đẻ - đồng thời là sự khởi đầu trong một miền đất và ngôn ngữ mới*” [10]. Nhân vật chính của truyện là *Tôi* – một cô bé người Việt – rời khỏi quê hương với cha trên chiếc thuyền khi mới sáu tuổi. Lúc đó, vì lí do khách quan nên mẹ *Tôi* không lên kịp tàu. Sau này, họ được đưa đến trại tị nạn, tại đây họ làm quen với bốn người đàn ông khác, tuy không cùng chung dòng máu nhưng *Tôi* vẫn gọi họ là chú. Người bảo trợ của họ là ông Rusell, tuy nhiên, ông đã trút hơn thờ cuối cùng trước khi gặp họ. Theo lời ước nguyện của cha, con trai Rusell, Melvin, đã thay cha đứng ra bảo trợ (thực chất hẳn không muốn), đổi lại, họ phải làm việc không công cho hắn ta. Một lần nọ, cô bé Thúy đập vỡ cái đĩa thủy tinh để giải phóng một con bướm nhỏ, Melvin biết được và đã đuổi tất cả họ ra khỏi nhà. Sau này, *Má* được đoàn tụ cùng với họ ở Mĩ. Cũng

từ đây, bao sóng gió ập đến gia đình nhỏ bé của họ. Người cha thì mặc cảm, ray rứt, người mẹ thì nhớ nhung về quê nhà; vì vậy, gia đình thiếu vắng tiếng cười, thay vào đó là tiếng đập vỡ chén đĩa của *Má* và tiếng chửi rủa của *Ba*. Không thể chịu đựng được cảnh sống ngột ngạt ấy, *Tôi* đã bỏ nhà ra đi. Sau bao nhiêu năm cất công tìm kiếm, cuối cùng hai cha con gặp lại nhau trong bẽ bàng: *Tôi* giờ đây đã là một phụ nữ dạn dày kinh nghiệm sống và *Ba* trở thành một ông già ốm yếu, hom hem.

Trong hơn 180 trang, độc giả chỉ thấy những kí ức của “*kẻ không nhà*” (unhoused) trôi lênh đênh, vô định giữa hai miền không gian Việt Nam – Hoa Kỳ, giữa hai mảng thời gian quá khứ - hiện tại. Trên nền không gian và thời gian ấy, cái bơ vơ, lạc lõng của con người xuất hiện. Hành trang để họ gia nhập vào xã hội chính thống ở Mĩ chỉ vồn vện có mấy từ “*dân tị nạn*” và hai bàn tay trắng, vì thế, biết bao khó khăn bủa vây lấy họ. Cuốn tiểu thuyết là một nốt trầm trong một bản nhạc buồn về cuộc đời của những con người không có căn cước, mù mờ về chỗ đứng, những nỗi niềm của một con người lớn lên giữa bơ vơ... Những kí ức về Việt Nam cứ bám riết họ mặc dù họ đang ở trên một đất nước khác. Quê nhà là một ám ảnh! Vì vậy, đầu cuốn sách, phần lời tựa, le thi diem thuy viết: “*Trong tiếng Việt, chữ cho ‘water’ và chữ cho ‘a nation, a country, and a homeland’ (một quốc gia, một đất nước, và một quê hương) đều là một chữ như nhau: nước*” [2]. Quê nhà, cuộc sống di dân và sự khác biệt thế hệ của người Việt ở Mĩ đã được tác giả khắc họa một cách

sâu sắc qua những lời văn vừa nhẹ nhàng vừa ray rứt, khiến cho người đọc khi đã gấp trang sách mà vẫn còn đọng lại cái cảm giác êm đềm xen lẫn với những ám ảnh.

Không dừng lại ở đó, tác phẩm còn đem đến cho người đọc cảm giác thư thái, nhẹ nhàng với những trang văn luôn “*sống động như một chuyện thần tiên, có tính biểu tượng như một bài thơ*” (điểm sách của tờ New York Times) [2] dù không được viết bằng tiếng mẹ đẻ.

Sự cộng hưởng giữa nội dung hay và hình thức đẹp đã đem đến cho tác phẩm những lời khen ngợi, như “*Một câu chuyện đẹp và sâu sắc về gia đình. Tôi càng đọc, càng có cảm tưởng đó như gia đình của tôi vậy*” (Jonathan Safran Foer); “*le thi diem thuy đã nắm bắt được những suy nghĩ kì diệu của thời thơ ấu với những chuyển đổi nhận thức của mình trong những kì quan và lo âu của cuộc sống*” (Hugh Garvey)...[2].

**2.3.** Bích Minh Nguyen sinh năm 1974, ở Sài Gòn. Đêm 29-4-1975, cô và gia đình rời khỏi quê hương. Mẹ cô không có mặt trong chuyến đi. Gia đình cô (gồm Nội, cha và người chị gái tên Ánh) đã trải qua một thời gian sống ở các trại tị nạn trên đảo Guam và Fort Chaffee. Sau đó, họ định cư tại thành phố Grand Rapids, tiểu bang Michigan, Mĩ. Lớn lên trong xã hội Mĩ, đã có lúc cô muốn mình trở thành một người Mĩ thật sự, nhưng chính Nội – người lưu giữ văn hóa dân tộc – đã níu chân cô lại. Cha cô là một người đàn ông chăm chỉ nhưng lại hay nhậu nhẹt, cờ bạc, sau này, ông tái hôn với một người Mĩ gốc Mê-xi-cô. Cô cảm thấy khó khăn trong việc hòa nhập với nền văn hóa mới

vì không được sự hướng dẫn của người lớn, cô phải tự tìm cách để thực hiện điều đó, nhiều khi cô cảm thấy thực sự trống vắng, cô đơn. Cô tốt nghiệp Đại học Michigan, chuyên ngành Sáng tác văn học và hiện là giáo sư dạy về sáng tác tiểu thuyết, thi ca và văn học Mĩ Á châu tại Đại học Purdue. Những sự thật trong cuộc đời Bích Minh Nguyen đã đi nhẹ nhàng và chân thật vào những trang viết của cô và kết tinh trong tác phẩm *Stealing Buddha's Dinner (Ăn trộm đồ cúng của Phật)*. Tác phẩm này đã làm nên tên tuổi cô với giải PEN/Jerard Award của Trung tâm Văn Bút Hoa Kỳ.

Sinh ra ở Việt Nam và định cư ở Mĩ từ khi còn rất nhỏ, chính vì vậy, trong nhân vật Bích luôn xảy ra xung đột giữa hai nền văn hóa mới và cũ. Vì muốn xác định cho mình một căn cước là một người Mĩ gốc Việt khi gia nhập vào xã hội Mĩ, Bích phải thay đổi cả tập quán, thói quen, ăn uống, vui chơi... Ngoài đời, đây cũng là điều mà Bích Minh Nguyen từng làm. Tác phẩm miêu tả những khó khăn, gian khổ của một đứa trẻ tị nạn khi hòa nhập vào đời sống mới và trong quá trình biến đổi từ người Việt thành người Mĩ gốc Việt.

*Short girls (Những cô gái thấp)* là tiểu thuyết đầu tay của Bích Minh Nguyen, được Nhà xuất bản Fig Tree (thuộc Tập đoàn xuất bản sách Penguin) ấn hành vào đầu năm 2010. Nếu như *Sách muối* và *Tên du đãng mà tất cả chúng tôi đang tìm kiếm* chỉ đem đến cho người đọc những hoài niệm, day dứt ám ảnh về cố hương thì *Những cô gái thấp* lại mở ra cho người đọc một không gian tươi vui, tràn đầy hi vọng. Truyện kể về

hai chị em Vân và Linny, cả hai được sinh ra ở Mỹ, thuộc thế hệ di dân thứ hai. Ngoài tầm vóc nhỏ nhắn, hai chị em đều khác biệt. Cô chị tên Vân là một cô gái thông minh, giỏi giang, tốt nghiệp Đại học Chicago và hành nghề luật sư. Chồng Vân, Miles Oh, cũng là một luật sư danh tiếng. Cuộc sống của cô là niềm mơ ước của nhiều người dân di dân. Trong khi đó, cô em Linny tuy xinh đẹp nhưng kém cỏi, học hành dở dang và kiếm sống chủ yếu bằng nghề bán hàng trong các cửa hiệu. Và hiển nhiên, hai chị em không hợp nhau, Linny coi trọng hình thức, ngược lại, Vân luôn coi tri thức mới là thứ có giá trị. Vì vậy, những buổi trò chuyện của họ chỉ kết thúc bằng những cuộc cãi vã.

Tuy được coi là hình mẫu mơ ước của nhiều người, nhưng trong Vân luôn trăn trở những mặc cảm về vóc người thấp bé, về thân phận người nhập cư, về xuất thân ở ngoại ô nước Mỹ, về gốc gác không danh giá... Những điều này khiến cô vô cùng mệt mỏi khi phải gồng mình lên để che giấu những mặc cảm ấy. Đó không phải là trạng thái của riêng nhân vật, mà nâng lên là trạng thái chung của những người di dân. Họ cố chứng tỏ mình giỏi hơn gấp nhiều lần so với người bản địa để tạo được chỗ đứng vững chắc trong cộng đồng nhập cư. Xét cho cùng, họ cũng chỉ là nạn nhân của chính bản thân họ và của xã hội nhập cư. Bích Minh Nguyen đã rất tinh tế khi phát hiện ra vấn đề này. Kể từ khi cưới Miles, cô dường như đánh mất mình. Chỉ đến khi Miles bỏ nhà đi, chính những ngày sống đơn độc mới giúp cô tĩnh tâm suy xét mọi thứ. Cô bước vào hành trình tìm lại chính mình.

Điều này cùng với nhiều lí do khác trong truyện khiến cô nhận ra rằng “*gần như suốt cuộc đời, cô luôn phải đứng nhón gót*”.

Tác phẩm này đã nhận được những lời tán dương, như “*Một cái nhìn sâu sắc về những người nhập cư và con cái của họ trong việc tìm kiếm căn cước của mình như những người Mỹ*” (People); “*Tiểu thuyết của Bích Minh Nguyen rất khéo léo và sống động, từ một sự cập nhật tốt đến một sự thiết lập quen thuộc*” (Publicshers Weekly); “*Bích Minh Nguyen đã làm phong phú cho cuốn tiểu thuyết đầu tay của cô bằng những quan sát cá nhân và văn hóa sắc bén, cô đã tạo ra một tổng thể lớn hơn nhiều so với các bộ phận của nó... Cô không bao giờ bỏ rơi nạn nhân của sự khinh miệt mà nhiều tiểu thuyết gia đã nhắc tới trong cuộc sống đương đại, chính vì thế đã làm cho câu chuyện di dân của cô thành một dàn diễn viên người Mỹ tinh túy – chứ không chỉ là người Mỹ gốc Á. Cô khéo léo thay đổi luân phiên giữa các quan điểm của những đứa con gái khi họ phải đối mặt với cuộc sống Hoa Kỳ chính thống, và những chiến thắng và thất bại của những người phụ nữ khi cuối cùng họ không chú ý nhiều đến nền tảng của họ bằng cái tương lai mà họ đang bay vút về phía những người Mỹ... “Những cô gái thấp” kết thúc bằng niềm lạc quan – và được viết với một thứ ánh sáng đáng ngưỡng mộ*” (Laura Impellizzeri); “*Cái gì làm nên một gia đình? Một ngôi nhà? Một người Mỹ? Nếu không có tình cảm, Bích Minh Nguyen không thể trả lời câu hỏi này một cách dũng cảm và duyên dáng như vậy*”. (Elizabeth Strout) [3].



**2.4.** Dao Strom sinh năm 1973 ở Sài Gòn. Cô cùng mẹ rời bỏ quê hương từ khi cô còn nhỏ. Strom lớn lên ở miền Bắc California và tốt nghiệp Iowa Writers' Workshop. Cô được nhận giải thưởng của James Michener fellowship và Chicago Tribune/ Nelson Algren. Hiện cô đang sống tại Austin, Texas. Ngoài việc viết văn, cô còn là một ca sĩ, nhạc sĩ. Độc giả biết đến cô qua hai tác phẩm *Grass roof, Tin roof (Mái tranh, mái tôn)* (Nxb Houghton Mifflin/ Marnier Books, 2003) và *The gentle order of girls and boys (Trật tự nhẹ nhàng giữa con trai và con gái)* (Counterpoint press, 2006).

Cuốn tiểu thuyết *Mái tranh, mái tôn* mở ra với câu chuyện của Trân – một nhà báo Việt Nam – cùng hai đứa con rời khỏi đất nước vào năm 1975. Sau đó, cô kết hôn với một người đàn ông người Mỹ gốc Đan Mạch, đã may mắn sống sót trong một cuộc chiến tranh khác. Tiếp đến, gia đình họ tái định cư ở California, Mĩ. Từ đây, họ phải đương đầu với những khó khăn mới. Câu chuyện nhìn từ nhiều quan điểm như người mẹ, đứa con trai và hai đứa con gái. Chiến tranh là một cái bóng xa nhưng sức ám ảnh của nó vẫn còn âm ỉ mãi, vì vậy, họ vừa phải cố quên quá khứ vừa phải hòa nhập với nền văn hóa mới, điều này có lúc khiến họ cảm thấy mệt mỏi, bất lực và muốn bỏ cuộc. Trong những lời văn sáng tạo và tinh tế, nhân vật của Strom đã trải qua sự va chạm của các nền văn hóa và những hậu quả tinh thần của chiến tranh.

*Mái tranh, mái tôn* có thể nói là một tác phẩm đẹp về sự sâu xa và sự đồng cảm, cảm xúc mạnh mẽ và cái nhìn sâu sắc hiếm có. Nhờ vậy, tác phẩm của

cô để lại ấn tượng sâu sắc trong giới nghiên cứu, như: “*Trữ tình, đam mê, và sống động với những tấn bi kịch và những đau khổ của cuộc sống, cuốn tiểu thuyết này để lại ấn tượng không thể quên trong lòng độc giả ở cả hai phương diện: độ chính xác đến đằm tình của ngôn ngữ và sức thuyết phục sâu sắc của câu chuyện. Dao Strom là một nhà văn trẻ xứng đáng với sự theo dõi lâu dài và những lời khen ngợi*” (Brady Udall) hay “*Một sự phát hiện tinh tế và tỉ mỉ về vấn đề lưu vong, mất mát, và nhận diện. Cuốn tiểu thuyết này bản thân nó là một sự cách tân về nghệ thuật. Strom là một nhà văn trẻ quan trọng*” (Robert Olen Butler)... và giúp cô có một vị trí đáng kể trong lòng độc giả. [1]

**2.5.** Angie Chau, tên tiếng Việt là Châu Thanh Thư. Lúc 4 tuổi, cô cùng mẹ rời quê hương đến định cư ở Hoa Kỳ. Cô đã sống ở nhiều quốc gia như Việt Nam, Malaysia, Ý, Tây Ban Nha... Cô tốt nghiệp cử nhân văn hóa Đông Nam Á và Kinh tế chính trị của Đại học California, Berkeley. Ngoài ra, cô còn lấy được bằng Thạc sĩ tại Đại học California, Davis. Cô đã đạt giải Hedgebrook Residency và Macondo Foundation Fellowship. Các bài viết của cô được đăng tải trên các tạp chí Indiana Review, Santa Clara Review, Night Train Magazine, Slant, hợp tuyển Cheers to Muses. Năm 2009, cô được trao giải UC Davis Maurice về tiểu thuyết. Tác phẩm đầu tay *Quiet as they come (Lặng lẽ khi họ đến)*, Nhà xuất bản IG Publishing phát hành năm 2010.

Tác phẩm *Lặng lẽ khi họ đến* là một tuyển tập truyện ngắn viết về những nhân vật người tị nạn Việt Nam, bắt đầu sự

nghiệp ở một xứ sở xa lạ với hai bàn tay trắng và cố gắng hòa nhập với nền văn hóa nơi đây. Trong truyện, song hành với niềm vui là những trang viết nặng trĩu nỗi buồn. Có thể nói, tuyên tập như một con thuyền trôi lên đênh chở những người dân tị nạn với những khó khăn trên dòng đời xuôi ngược. Sự khác biệt giữa hai nền văn hóa khiến người trong cuộc phải rơi vào tình huống dở khóc dở cười, nhưng bằng ý chí và nghị lực, họ đã vươn lên làm chủ cuộc đời mình. Trong hành trình gian khổ ấy, có những người sớm điều chỉnh và hòa nhập vào cuộc sống mới nhưng cũng có những kẻ vỡ mộng về “miền đất hứa”. Thời gian truyện mở ra từ năm 1980 và cứ thế tiếp diễn đến tận bây giờ. Với cách tả dung dị, chân thực, cộng với cái nhìn sắc sảo, tác phẩm đã lột tả hết được những chua cay, khổ cực mà người di dân đã trải qua khi tái định cư trên một vùng đất mới.

Tác phẩm đã tạo ra được nhiều tiếng vang, từ các mục điểm sách của các tờ báo uy tín và của các nhà phê bình văn học hoặc các giáo sư đại học về văn chương, như: *“Những câu chuyện cổ tích về những người bình thường bơ vơ giữa hoàn cảnh không bình thường của lịch sử. Tất cả đắng cay và đẹp đẽ luôn diễn ra song hành cùng một lúc”* (Sandra Cisneros), *“Chúng ta gọi đó là sự nhập quốc tịch, nhưng nó tươi sáng và xác thực. Những câu chuyện bao gồm hai vấn đề cá nhân hóa và giải thích cảm giác gương ép của hàng ngàn gia đình Việt Nam (chuyển tới San Francisco để trốn thoát chiến tranh Việt Nam) trong 20 năm đầu sống trên nước Mỹ. Angie Chau viết tác phẩm với sự hóm hỉnh, mãnh liệt*

*và cả sự tha thứ về cuộc sống đầy nguy hiểm, lãng mạn, sự cứu giúp tạm thời, niềm hi vọng không dứt”* (Pam Houston)... Với cộng đồng Việt Nam tị nạn, tác phẩm cũng được đón nhận đặc biệt. [9]

**2.6.** Aimee Phan sinh năm 1977 tại Orange Couty, California, hiện cô là giảng viên dạy viết văn tại Trường Đại học Washington, cũng là nơi cô sáng tác tiểu thuyết. Người đọc biết đến cô qua tác phẩm đầu tay *We should never meet (Chúng ta đừng nên gặp nhau)*, được giải Sách quý của Kiriyama Prize về tiểu thuyết và vào vòng chung khảo giải Văn chương Mĩ gốc Á năm 2005 (Asian American Literary Awards). Tuyển tập này bao gồm 8 câu chuyện liên tục đan kết với nhau và được phân thành hai phần: 4 câu chuyện ghi chép lại những sự kiện xảy ra ở Sài Gòn vào năm 1975 và 4 câu chuyện sau tiếp diễn với phần đời còn lại của các nhân vật ở Los Angeles. Truyện kể về những thảm kịch xảy ra liên quan đến “Operation Babylift”, một chương trình được phát động ở Việt Nam để đưa 2000 đứa bé sơ sinh ra khỏi Sài Gòn. Mượn lời kể từ nhiều nhân vật như bà mẹ trẻ, trại chủ nuôi vịt, nữ tu Thiên Chúa giáo, bác sĩ... đã làm cho câu chuyện trở nên khách quan và sinh động hơn. Hai mươi năm sau, bốn đứa trẻ thuở xưa giờ đã trưởng thành và sinh sống tại Los Angeles, mỗi người giờ đây tìm những hướng đi cho cuộc đời mình: Mai - một người có nhiều ước vọng và ham học hỏi, Kim - hoang đàng và tham gia một nhóm băng đảng khét tiếng ở Hoa Kỳ, Vinh - người yêu của Kim và cũng là một thành viên băng đảng, Huân may

mắn được nhận làm con nuôi của gia đình người Mỹ và sau này anh có dịp trở lại thăm quê hương. Những câu chuyện này được đọc một cách nhanh chóng nhưng những hành động và lời nói của nhân vật được cân nhắc kỹ lưỡng, cứ như thể họ đã được tạo hình một cách cẩn thận, tỉ mỉ, chăm chút từ đầu cho đến cuối. Tất cả những câu chuyện đó như một cuốn phim nhưng được diễn tả bằng cái nhìn sắc bén của nhà văn.

Cuốn sách đã nhận được nhiều lời khen ngợi, như “*Phan đã vẽ biểu đồ về những chuyến hành trình với sự sắc bén, độ nhạy và sự khôn ngoan*” (Los Angeles Times), “*Nói bật... Những câu chuyện không thể xóa nhòa trôi qua bạn... nhiều vấn đề phức tạp được đưa vào cuộc sống ở đây*” (San Francisco Chronicle), “*Không có gì thỏa mãn cho người đọc hơn là một tác giả đem họ đến một nơi họ nghĩ, họ biết và sau đó chỉ cho họ thấy những điều họ thật sự làm mới nhỏ nhoi làm sao!*” (Hartford Courant), “*Phan đã hoàn thành những điều mà chỉ một nghệ sĩ thật sự mới có thể làm: Cô đã mang tiếng nói đến những người không thể cất cao tiếng nói của mình và khiến cho họ phải nói cho chúng ta nghe tất cả. Đây là một cuốn sách rất có ý nghĩa*” (Robert Olen Butler)...[11].

2.7. Lại Thị Minh Hà sinh năm 1965. Ngày 30-4-1975, cô cùng gia đình rời Việt Nam đến định cư ở Montgomery, Alabama. Sau đó, gia đình cô chuyển tới Texas và cô theo học trung học tại đây. Cô nhận được bằng tốt nghiệp chuyên ngành Báo chí tại Trường Đại học Texas và bằng MFA về Sáng tạo văn chương của Trường Đại học New York. Hiện tại,

cô sống ở thành phố New York và dạy học tại Trường The New.

*Inside Out and Back Again (Ra đi và trở lại)* là cuốn tiểu thuyết đầu tay của cô. Nhân vật chính của truyện là Hà – một cô bé 10 tuổi. Sau khi người cha bị mất tích trong 9 năm của chiến tranh Việt Nam, cô bé cùng mẹ và ba anh trai vượt biên bằng thuyền đến Guam và Florida, cuối cùng đến được Alabama - nơi tưởng chừng như bình yên nhưng vẫn phải chịu áp lực vì sự kì thị của cộng đồng người da trắng, đặc biệt là từ các bạn học. Dựa trên kinh nghiệm cá nhân của chính bản thân mình, cuốn tiểu thuyết đầu tiên này đã mô tả cuộc đấu tranh của một đứa trẻ tị nạn trên đất nước sở tại. Với cách viết xác thực và tự do, Hà đã nhanh chóng mô tả sự “sai lầm” một cách hài hước và đau đớn (ví dụ như việc cô mặc một chiếc áo ni lông vào trường học). Qua đó, người đọc sẽ cảm nhận được nỗi đau đớn của Hà - một đứa trẻ bị coi là “kẻ ngoại cuộc”. Cuối cùng, bằng ý chí vươn lên, cô đã thay đổi cảm giác bị giễu cợt của những đứa trẻ ở trường bằng cách tiếp nhận, gắn bó với một cô giáo - người đã mất đi đứa con thương yêu nhất của mình ở Việt Nam. Nhưng ngay cả khi bắt đầu một cuộc sống mới, trong cô vẫn còn đâu đó một nỗi băn khoăn: Cha cô đã ra đi.

Cuốn sách đã giúp cô nhận được giải thưởng National Book Awards năm 2012 cùng với những lời khen ngợi, như “*Mở sách ra và đọc chậm rãi để có thể thưởng thức được sự “tự do hưởng thụ” trong ngôn từ. Quyển sách này đòi hỏi người đọc hãy nhận thức và chú ý nhiều hơn ở phần kết*” (Kathi Appelt), “*Dựa vào kinh nghiệm từ chính bản thân cô,*

cuốn tiểu thuyết đầu tiên này đã ghi nhận sự đấu tranh của các trẻ em tị nạn một cách trung thực nhất. Nó được viết một cách xác thực, tự do trong văn chương, Hà đã nhanh chóng mô tả sự “sai lầm” - một cách hài hước và đau đớn, và người đọc sẽ cảm nhận được nỗi đau đớn của Hà - một đứa trẻ bị ruồng bỏ” (Tạp chí Booklist)...[4].

### 3. Kết luận

Tóm lại, trong những năm gần đây, văn học di dân Việt Nam ở Hoa Kỳ đã có

sự khởi sắc và gặt hái được những thành công nhất định, đưa dòng văn học này trở thành văn học dòng chính ở nước sở tại. Có thể nói, những nhà văn nữ gốc Việt ở Hoa Kỳ đã khẳng định được vị thế của mình trên văn đàn trong nước và quốc tế. Tác phẩm của họ không những phong phú về đề tài, nội dung mà còn trau chuốt tỉ mỉ về mặt nghệ thuật. Họ luôn chứng tỏ được một bút lực dồi dào và khả năng sáng tạo của riêng mình.

<sup>1</sup> Văn học dòng chính (Mainstream Literature) bao gồm những tác phẩm của những nhà văn di dân viết bằng ngôn ngữ thứ hai (chẳng hạn tiếng Anh hoặc tiếng Pháp...), ngược lại, những tác phẩm viết bằng tiếng mẹ đẻ được gọi là văn học thiểu số (Ethnic Literature).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dao Strom (2003), *Grass roof, Tin roof*, Houghton Mifflin Company, USA.
2. le thi diem thuy (2003), *The gangster we are all looking for*, Alfred A. Knof, USA.
3. Bich Minh Nguyen, *Author of Short girls and Stealing Buddha’s Dinner*, <http://bichminhnguyen.com>.
4. *Inside Out and Back Again*, <http://amazon.com>.
5. le thi diem thuy, *Reclaim my name as my own*, <http://www.tumblr.com>.
6. *Những con số nóng về người Việt ở Mỹ*, <http://www.viethome.co.uk>.
7. *Praise for Bitter in the Mouth*, <http://www.Monique Truong.com>.
8. *Praise for The Book of Salt*, <http://www.Monique Truong.com>.
9. *Quiet as they come – Angie Chau*, <http://www.amazon.com>.
10. *The gangster we are looking for*, <http://en.wikipedia.org>.
11. *We should never meet – Aimee Phan*, <http://us.macmillan.com>.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 17-9-2012; ngày phản biện đánh giá: 30-9-2012; ngày chấp nhận đăng: 01-10-2013)